

Số: 69/2024/QĐST-LĐ

Dĩ An, ngày 31 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Nguyễn Thị Thụy.

Thư ký phiên họp: ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố D mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 131/2024/TLST-VLĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 60/2024/QĐST-LĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: chị Lê Thị L, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Thị N, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Công ty TNHH L2; địa chỉ: khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: bà Trương Thị Thúy L1, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường T, Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: ông Dương Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/5/2024), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Tại đơn yêu cầu chị Lê Thị L trình bày:

Từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2009 chị L làm việc tại Công ty cổ phần S, đến tháng 03/2009 chị L nghỉ việc. Quá trình làm việc tại Công ty cổ phần S thì chị L có đóng bảo hiểm xã hội. Chị L tiến hành làm thủ tục điều chỉnh thông tin bảo hiểm thì bên cơ quan bảo hiểm rà soát và phát hiện bảo hiểm xã hội của chị L bị trùng.

Lý do bị trùng bảo hiểm xã hội: do không hiểu biết pháp luật nên trước đây em gái của chị L là chị Lê Thị N chưa đủ 18 tuổi, không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động. Cho nên, chị L cho chị N mượn thông tin cá nhân để làm hồ sơ lao động và giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L2 thời gian khoảng từ 12/2008 đến tháng 04/2009, có tham gia bảo hiểm xã hội. Đồng thời thời gian này, chị L làm việc tại Công ty cổ phần S.

Vì vậy, nay chị L yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động từ tháng 12/2008 đến tháng 04/2009 giữa chị Lê Thị L (thực tế chị Lê Thị N làm việc) với Công ty TNHH L2 vô hiệu.

- Bà Trương Thị Thúy L1 là đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH L2 trình bày:

Việc chị Lê Thị N mượn hồ sơ của chị Lê Thị L để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L2 thì thời điểm tuyển dụng Công ty không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ giả. Do không còn lưu giữ hồ sơ lao động nên Công ty không biết chị L giao kết hợp đồng lao động và kết thúc hợp đồng lao động từ thời gian nào. Lỗi dẫn đến việc Công ty ký kết hợp đồng lao động với chị L là do lỗi của chị L và chị N. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho người yêu cầu nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị L. Đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu, Công ty không yêu cầu giải quyết.

- Ông Dương Văn T là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH L2 cho người lao động thì Công ty TNHH L2 có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho chị Lê Thị L, sinh năm 1990, số CCCD 087190022930, với mã số BHXH 7408320084 từ tháng 12/2008 đến tháng 4/2009 chưa nhận trợ cấp BHXH và BHTN.

Về các yêu cầu khác của chị Lê Thị L phía Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương không có ý kiến. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Chị Lê Thị N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Do không hiểu biết pháp luật nên trước đây chị N chưa đủ tuổi nên có mượn thông tin cá nhân của chị Lê Thị L để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L2; địa chỉ: khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 4/2009 thì chị L làm việc tại Công ty cổ phần S. Chị N đã nghỉ việc tại Công ty TNHH L2. Nay trước yêu cầu của chị L thì chị N hoàn toàn đồng ý.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Lê Thị L, chị Lê Thị N, Bảo hiểm xã Hội thành phố D, Công ty TNHH L2 có yêu cầu giải quyết vắng mặt, Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Quá trình tố tụng các đương sự đều khai thống nhất: giữa chị Lê Thị L và Công ty TNHH L2 có quan hệ lao động. Trong thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 4/2009, người lao động tên Lê Thị L, sinh năm 1990, số CCCD 087190022930 được Công ty TNHH L2 tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số BHXH 7408320084. Tuy nhiên, chị Lê Thị L và chị Lê Thị N thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH L2 và thực tế làm việc tại Công ty TNHH L2 trong khoảng thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 4/2009 theo hợp đồng lao động là chị Lê Thị N chứ không phải chị Lê Thị L. Do chị N mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của chị L để đi làm việc. Mục đích mượn giấy tờ là để chị N có việc làm do thời gian này chị N chưa đủ 18 tuổi. Như vậy, việc chị N lấy tên chị L để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó, việc chị Lê Thị L yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động từ tháng 12/2008 đến tháng 4/2009 giữa chị Lê Thị L (do chị Lê Thị N mượn tên) với Công ty TNHH L2 là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Quá trình tố tụng, Bảo hiểm xã hội thành phố D đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của chị Lê Thị L bị trùng từ tháng 12/2008 đến tháng 4/2009.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: chị Lê Thị L phải chịu theo quy định.

[6] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 15, 16, 49 của Bộ luật lao động; Điều 149, 367, 401, 402 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Lê Thị L.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Lê Thị L, sinh năm 1990, số CCCD 087190022930; địa chỉ: ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An với Công ty TNHH L2 từ tháng 12/2008 đến tháng 4/2009 vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: chị Lê Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ hết tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0002994 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- Các đương sự (04);
- Lưu :VT, hồ sơ vụ án (02).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nguyễn Thị Thụy